

Bản án số: 566/2020/HS-PT

Ngày: 08-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hà

*Các Thẩm phán:* 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

2. Bà Nguyễn Hoàng Anh

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Oanh

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 457/2020/HSST ngày 12/10/2020 đối với bị cáo Phạm Duy T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo với Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2020/HSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Bị cáo có kháng cáo:***

**1. Phạm Duy T;** giới tính: nam; sinh năm: 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 373/1/18 (số cũ 115/6) TN, Phường MM, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: 687/6 TS, Phường MH, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: Bảo vệ; con ông PVT và bà NTL; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**2. Trịnh Văn P;** giới tính: nam; sinh năm: 1990 tại tỉnh Bình Thuận; nơi thường trú: 254/5 TN, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; nơi tạm trú: 164/1A đường T, khu phố B, phường APBD, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông TVH (chết) và bà NTL; hoàn cảnh gia đình: có vợ và có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**3. Hoàng Tiêu S;** giới tính: nam; sinh năm: 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 2/193C ấp TL, xã TTN, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: chạy xe ôm; con ông HVP (chết) và bà LTQ; hoàn cảnh gia

đình: có vợ và 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**4. Đỗ Minh H;** giới tính: nam; sinh năm: 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 19/1 ấp 2, xã XTS, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: giao hàng; con ông ĐVH (chết) và bà PHĐ; hoàn cảnh gia đình: có vợ (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**5. Bảo T1;** giới tính: nam; sinh năm: 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 212 đường HT, khu phố B, phường HT, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: 31 đường C, khu phố T, phường TTN, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Công nhân quét rác; con ông VN và bà NTB; hoàn cảnh gia đình: có vợ (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**6. Trần Văn H2;** giới tính: nam; sinh năm: 1979 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi thường trú: 26/32 tổ 78A, khu phố 7, phường TTN, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: gia công giày dép; con ông TVL (chết) và bà HTH; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**7. Lê Văn T2;** giới tính: nam; sinh năm: 1982 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi thường trú: 33/46 đường số T, khu phố 8, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Chạy xe ba gác; con ông LVH và bà LTY; hoàn cảnh gia đình: có vợ đang mang thai; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**8. Nguyễn Thành T3;** giới tính: nam; sinh năm: 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 193/18/16 đường số S, khu phố T, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam. dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: tài xế; con ông NKS và bà TTT; hoàn cảnh gia đình: có vợ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**9. Nguyễn C;** giới tính: nam; sinh năm: 1979 tại tỉnh Kiên Giang; nơi thường trú: 23/5Y ấp TC, xã TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm

trú: 53/4C tổ 15, ấp MH, xã TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông NNB và bà CTT; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**10. Nguyễn Mạnh H3**; giới tính: nam; sinh năm: 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 2665/13/8B Quốc lộ A, tổ M, khu phố B, phường THT, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông NHH (chết) và bà TTBL; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**11. Nguyễn Văn H4**; giới tính: nam; sinh năm: 1967 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 5/3A tổ 5, khu phố B, phường THT, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; con ông (không rõ) và bà NTL (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**12. Phùng Thị N**; giới tính: nữ; sinh năm: 1983 tại tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: Ấp TL, xã MHB, huyện ĐH, tỉnh Long An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: bán vé số; con ông PVL (chết) và bà TTX (chết); hoàn cảnh gia đình: chưa có chồng, có 1 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**13. Nguyễn Thị Ngọc O**; giới tính: nữ; sinh năm: 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 40/1 Bis khu phố 4, phường THT, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: 2635 Quốc lộ A, tổ 2, khu phố B, phường THT, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: rửa chén thuê; con ông Nguyễn Ngọc Minh và bà NTH (chết); hoàn cảnh gia đình: có chồng và 04 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

**14. Nguyễn Thị Ngọc T4**; giới tính: nữ; sinh năm: 1975 tại tỉnh Cần Thơ; nơi thường trú: 2635 Quốc lộ A, tổ 2, khu phố B, phường THT, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: bán bánh mì; con ông NNM và bà NTH; hoàn cảnh gia đình: có chồng và 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có các bị cáo Phan Văn T5, Cao Hữu T6 không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2019, Phạm Duy T thuê lại quán cà phê “NX” tại địa chỉ: nhà không số, tổ 14 khu phố S, phường THT, Quận MH từ bà Nguyễn Thị ML với giá 11.000.000 đồng/tháng với mục đích bán cà phê. Trong thời gian này, Trịnh Văn P được T thuê giúp việc tại quán, mỗi ngày trả công 100.000 đồng. Do kinh doanh ế ẩm nên hàng ngày từ khoảng 12 giờ 30 phút, T mở 02 ti vi có kết nối mạng để truyền hình trực tiếp các trận đá gà tại các trang mạng có sẵn trên Internet và chuẩn bị một cái bàn có sơn hai màu đỏ, xanh để tổ chức cho khách uống cafe cá cược. Những người tham gia cá cược chọn con gà theo màu mặc định xanh hoặc đỏ; thắng thua theo tỉ lệ trên màn hình. Người cá cược chọn con gà theo màu nào, đặt cược số tiền bao nhiêu thì để trên bàn theo màu đó. Sau khi kết thúc trận gà thì T hoặc P sẽ cân đối số tiền thắng thua để thu tiền của người thua và giao tiền cho người thắng cược.

Ngày 31/5/2019, T mang theo số tiền 12.000.000 đồng để tổ chức “Đánh bạc”, trong lúc “Đánh bạc” có nhiều người ra, vào tham gia đánh bạc và T đã thua số tiền 5.000.000 đồng, tại thời điểm Công an phường Tân Hưng Thuận, Quận 12 phát hiện bắt quả tang đang có 14 người đang trực tiếp cá cược với T và P, còn 07 đối tượng đã chơi hết tiền và đang đứng xem, cụ thể như sau:

1. Phùng Thị N đem theo số tiền 200.000 đồng sử dụng để cá cược, đã thua hết số tiền 120.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 80.000 đồng.

2. Nguyễn Văn H4 mang theo số tiền 100.000 đồng để cá cược, trong lúc cá cược không thắng, không thua. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 100.000 đồng.

3. Hoàng Tiêu S mang theo số tiền 100.000 đồng để cá cược, trong lúc cá cược không thắng, không thua. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 100.000 đồng.

4. Bảo T1 mang theo số tiền 300.000 đồng sử dụng để cá cược, đã thua hết số tiền 290.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 10.000 đồng.

5. Nguyễn C mang theo số tiền 200.000 đồng sử dụng để cá cược, đã thắng số tiền 100.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 300.000 đồng.

6. Nguyễn Thành T3 mang theo số tiền 900.000 đồng sử dụng để cá cược, đã thua số tiền 600.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 300.000 đồng.

7. Nguyễn Mạnh H3 mang theo số tiền 100.000 đồng sử dụng để cá cược, đã thắng số tiền 200.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 300.000 đồng.

8. Đỗ Minh H mang theo số tiền 100.000 đồng sử dụng để cá cược, đã thắng số tiền 80.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 180.000 đồng.

9. Trần Văn H2 mang theo số tiền 400.000 đồng sử dụng để cá cược, đã thắng số tiền 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 900.000 đồng.

10. Lê Văn T2 mang theo số tiền 400.000 đồng sử dụng để cá cược, đã thắng số tiền 500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 900.000 đồng.

11. Cao Hữu T6 mang theo số tiền 800.000 đồng sử dụng để cá cược, đã thua số tiền 600.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 200.000 đồng.

12. Nguyễn Thị Ngọc T4 mang theo số tiền 550.000 đồng sử dụng để cá cược, mới đặt cược thì bị bắt quả tang thu giữ số tiền 550.000 đồng.

13. Nguyễn Thị Ngọc O mang theo số tiền 200.000 đồng sử dụng để cá cược, đã thắng số tiền 200.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 400.000 đồng.

14. Phan Văn T5 mang theo số tiền 660.000 đồng sử dụng để cá cược, đã thua số tiền 600.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 60.000 đồng.

Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc thu giữ tại chiếu bạc và trong người các đối tượng trên là 10.780.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 159/2020/HSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận 12 đã quyết định:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- + Xử phạt bị cáo Phạm Duy T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- + Xử phạt bị cáo Trịnh Văn P 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- + Xử phạt bị cáo Hoàng Tiêu S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- + Xử phạt bị cáo Đỗ Minh H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- + Xử phạt bị cáo Bảo T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- + Xử phạt bị cáo Trần Văn H2 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- + Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T3 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H3 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H4 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Phùng Thị N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc O 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T4 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt đối với Phan Văn T5, Cao Hữu T6, xử lý vật chứng, về án phí, phạt bổ sung và quyền kháng cáo.

Ngày 24/8/2020, các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm kết luận cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Phạm Duy T và Trịnh Văn P phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Hoàng Tiêu S, Đỗ Minh H, Bảo T1, Trần Văn H2, Lê Văn T2, Nguyễn Thành T3, Nguyễn C, Nguyễn Mạnh H3, Nguyễn Văn H4, Phùng Thị N, Nguyễn Thị Ngọc O, Nguyễn Thị Ngọc T4 phạm tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội. Về mức hình phạt, các bị cáo Phạm Duy T, Trịnh Văn P là người đứng đầu, tổ chức nên mức hình phạt cấp sơ thẩm tuyên phạt là thỏa đáng, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đối với các bị cáo còn lại, số tiền đánh bạc không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên hợp lệ.

Xét lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ mà nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 31/5/2019 tại quán cafe NX địa chỉ nhà không số, tổ 14, khu phố S, phường THT, Quận MH, công an bắt quả tang Phạm Duy T và Trịnh Văn P đang tổ chức đánh bạc dưới hình thức đá gà cho các đối tượng Hoàng Tiêu S, Đỗ Minh H, Bảo T1, Trần Văn H2, Lê Văn T2, Nguyễn Thành T3, Nguyễn C, Nguyễn Mạnh H3, Nguyễn Văn H4, Phùng Thị N, Nguyễn Thị Ngọc O, Nguyễn Thị Ngọc T4, thu giữ trên chiếu bạc và trong người các bị cáo tổng số tiền dùng để đánh bạc là 10.780.000 đồng. Do đó, tòa cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Phạm Duy T, Trịnh Văn P phạm tội

“Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Hoàng Tiêu S, Đỗ Minh H, Bảo T1, Trần Văn H2, Lê Văn T2, Nguyễn Thành T3, Nguyễn C, Nguyễn Mạnh H3, Nguyễn Văn H4, Phùng Thị N, Nguyễn Thị Ngọc O, Nguyễn Thị Ngọc T4 phạm tội “Đánh bạc” là xét xử đúng người, đúng tội.

Về kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Căn cứ lời khai của Phạm Duy T, Trịnh Văn P và các bị cáo tham gia đánh bạc thì các bị cáo mới chỉ tham gia từ 01 đến 02 ngày là bị bắt quả tang, hình thức tổ chức đánh bạc đơn giản, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc không lớn, bản thân bị cáo T cũng chưa thu lợi bất chính, toàn bộ số tiền đánh bạc đã bị thu hồi nên hành vi phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Trịnh Văn P là người làm công cho bị cáo T mới được 02 ngày thì bị bắt nên phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể.

Đối với các bị cáo tham gia đánh bạc đều có trình độ học vấn thấp, hiểu biết pháp luật có hạn chế, số tiền mỗi bị cáo đem theo để đánh bạc chỉ vài trăm ngàn đồng. Các bị cáo đều là thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính, tham gia đánh bạc chủ yếu mang tính nhất thời, cơ hội.

Hội đồng xét xử xét tất cả các bị cáo đều có nhân thân tốt, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn thể hiện ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên xét không cần bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Phạm Duy T, Trịnh Văn P, Hoàng Tiêu S, Đỗ Minh H, Bảo T1, Trần Văn H2, Lê Văn T2, Nguyễn Thành T3, Nguyễn C, Nguyễn Mạnh H3, Nguyễn Văn H4, Phùng Thị N, Nguyễn Thị Ngọc O, Nguyễn Thị Ngọc T4**. Sửa bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: **Phạm Duy T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: **Trịnh Văn P 01** (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo P cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: **Hoàng Tiêu S 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo S cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: **Đỗ Minh Diệp 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo H cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: **Bảo T1 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T1 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: **Trần Văn H2 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo H2 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;



Xử phạt bị cáo: **Lê Văn T2** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T2 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Thành T3** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T3 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn C** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo C cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Mạnh H3** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo H3 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Văn H4** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo H4 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: **Phùng Thị N 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo N cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Thị Ngọc O 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo O cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Thị Ngọc T4 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T4 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo)

**Nơi nhận:**

- TAND Tối Cao; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận 12; (1)
- Chi cục THA Quận 12; (1)
- TAND Quận 12; (2)
- Công an Quận 12; (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Bị cáo; (14)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (14)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (44) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hà**